

Số: 29 /2024/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**  
**trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**  
**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Xét Tờ trình số 7292/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

b) Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

c) Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

### **Điều 2. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### **1. Các mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ (01 tháng tương đương 22 ngày), trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ không đủ một tháng, mức chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện (01 tháng chia cho 22 ngày). Mức chi cụ thể theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN). Trong đó:

a) Đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là 28 triệu đồng/người/tháng.

b) Đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là 14 triệu đồng/người/tháng.

c) Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao như sau: thành viên chính bằng 0,8 lần; thành viên bằng 0,4 lần; thư ký khoa học bằng 0,3 lần;

kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ bằng 0,2 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

## 2. Chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bằng 80% mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước và tổng kinh phí chi thuê chuyên gia trong nước tối đa bằng 30% tổng kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

### b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn xét duyệt đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước tối đa bằng 50% tổng kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước. Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi tổng kinh phí được phê duyệt. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi

tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Ngoài ra, Nghị quyết này quy định mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.400	700
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	350	175
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100	1.050
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	1.050	525
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/buổi	210	105

5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

6. Chi hợp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

7. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được xây dựng kinh phí quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

### **Điều 3. Nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.050	525
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	350
	Thư ký khoa học		210	105
	Thư ký hành chính		210	105
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
b	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	175
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		490	245
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		490	245
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350	175
<b>2</b>	<b>Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260	630

	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050	525
	Thư ký khoa học		210	105
	Thư ký hành chính		210	105
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
<b>b</b>	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	<b>Phiếu</b>		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490	245
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	350
<b>3</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>			
<b>a</b>	<b>Chi họp Hội đồng nghiệm thu</b>	<b>Nhiệm vụ</b>		
	Chủ tịch hội đồng		1.260	630
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.050	525
	Thư ký khoa học		210	105
	Thư ký hành chính		210	105
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
<b>b</b>	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>	<b>Phiếu</b>		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490	245
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	350
<b>4</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</b>	<b>Chuyên gia</b>	1.050	525

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại các chính sách, quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng kinh phí theo khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	350
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490	245
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210	105
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140	70

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng kinh phí theo khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng kinh phí chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định đối với chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

6. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Ban Chủ nhiệm chương trình hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Mức chi cho các hoạt động của Ban chủ nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng kinh phí theo khối lượng công việc phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách tỉnh theo phân cấp.
2. Các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án khác của tỉnh.
3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Hoàng Yến**